TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 288/2022/QĐST-HNGĐ	*Diên Khánh, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 354/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Xuân T - sinh năm 1970
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã BL, huyện D, Khánh Hòa

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Lê Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục em Nguyễn Thiên T – sinh ngày 07/01/2014. Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung nếu xét thấy cần thiết bà T, ông T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với em Nguyễn Xuân T (sinh ngày 2/9/1997) và Nguyễn Hoài N (sinh ngày 06/9/2004) đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh. Bà T, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà T nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (Trong đó bà T tự nguyện nộp thay ông T 75.000đ án phí) và nộp thay ông T 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kì, nhưng được trừ vào 19.778.000đ (Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012244 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Bà T, ông T đã nộp đủ án phí. Hoàn lại cho bà T 19.478.000đ (Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Quy định: Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thái Bảo Ngân

* *Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- UBND xã BL (số 13/97 ngày 07/10/1997);
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.